

Bản án số: 17/2020/HS-ST
Ngày 27-02-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Huân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Xuân Hòa.

2. Ông Nguyễn Đức Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Long – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thùy – Kiểm sát viên.

Ngày 27-02-2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 07/2020/TLST-HS ngày 17-01-2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/QĐXXST-HS ngày 14-02-2020 đối với:

1. Bị cáo: Nguyễn Văn A, sinh năm 1975; HKTT và chỗ ở: thôn V, xã H, huyện K, tỉnh Hưng Yên; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 1/12; Con ông Nguyễn Văn B và bà Phạm Thị C; Vợ là: Phạm Thị D (đã chết); Có 02 người con, lớn sinh năm 1994 và con nhỏ sinh năm 1997; Tiền án: Chưa có; Nhân thân: Ngày 16-7-2008, bị Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên xử phạt 02 năm tù về tội “Đánh bạc”; Ngày 29-11-2019, bị Tòa án nhân dân huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; A bị bắt tạm giam từ ngày 22-11-2019, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hưng Yên (*có mặt*).

2. Người bị hại: chị Nguyễn Thị E, sinh năm 1980; trú tại: thôn P, xã B, huyện K, tỉnh Hưng Yên (*vắng mặt*).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: anh Hoàng Văn L, sinh năm 1984; trú tại: thôn V, xã H, huyện K, tỉnh Hưng Yên (*vắng mặt*).

4. Người làm chứng:

4.1. anh Đỗ Văn F, sinh năm 1988;

4.2. anh Đào Văn G, sinh năm 1972;

4.3. anh Võ Văn H, sinh năm 1977;

4.4. Phạm Văn J, sinh năm 1981.

Đều trú tại: thôn V, xã H, huyện K, tỉnh Hưng Yên (*đều vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 21 giờ ngày 18/11/2019, Nguyễn Văn A mượn xe mô tô của anh Đỗ Văn F, sinh năm 1988 ở thôn V, xã H, huyện K đi đến nhà người yêu là chị Nguyễn Thị E, sinh năm 1980 ở thôn P, xã B, huyện K. A đỗ xe ở cạnh đường bê tông ngoài ngõ rồi đi bộ vào trong nhà chị E. Thấy cửa cổng khóa, A đi vòng ra lối vườn sau, bước qua hàng gạch chỉ đỏ xếp kín cao khoảng 30 – 40 cm để đi vào trong sân nhà chị E. Phát hiện cạnh bể nước có chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu xanh đen biển số 89E1-560.95 của chị E không khóa cổ, khóa càng nên A nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe mô tô mang bán lấy tiền tiêu xài. A lấy khoảng 10 viên gạch chỉ đỏ ở hàng gạch trải xuống dưới đất để dắt xe ra ngoài theo lối đã đi vào trước đó rồi dựng chiếc xe mô tô 89E1-560.95 cạnh xe mô tô của anh F. A lấy 01 đoạn sắt dài khoảng 10cm có 01 đầu dẹt ở trên xe này để chọc phá khóa xe mô tô 89E1-560.95 nhưng không được nên A vứt đoạn sắt này đi (không nhớ vứt ở đâu) rồi điều khiển xe của anh F về trả cho anh F. Sau đó, A đi bộ đến ngã tư Bô Thời, xã Hồng Tiến gặp 01 người đàn ông lạ mặt và đi nhờ người này đến ngõ nhà chị E để lấy chiếc xe mô tô 89E1-560.95. A nhờ người này đẩy chiếc xe của chị E về nhà của Đào Đức G, sinh năm 1972 ở thôn Vân Ngoại, xã Hồng Tiến. A khai khi mang chiếc xe mô tô biển số 89E1-560.95 đến nhà G, A có nói cho G biết đây là chiếc xe mà A trộm cắp mà có. A và G cùng dùng tô vít để cạy ổ khóa điện và ổ khóa cốp xe (trong cốp xe có 110.000 đồng, 01 giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Thị E và 01 giấy phôi đăng ký xe này). Sáng ngày 19/11/2019, A đã mang chiếc xe mô tô biển số 89E1-560.95 cùng giấy phôi đăng ký xe bán cho anh Hoàng Văn K, sinh năm 1984 ở thôn V, xã H, với giá 1.700.000 đồng. Cùng ngày, chị E đã trình báo sự việc trên đến Cơ quan Công an.

Ngày 22/11/2019, anh L đã giao nộp chiếc xe mô tô biển số 89E1-560.95 cho Cơ quan điều tra Công an huyện Khoái Châu; còn bản photo đăng ký xe, L đã vứt đi nhưng không nhớ đã vứt đi đâu.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 118/KL-ĐG ngày 22/11/2019 của Hội đồng định giá tài sản huyện Khoái Châu kết luận: Chiếc xe mô tô biển số 89E1-560.95 tại thời điểm định giá có trị giá là 12.000.000 đồng.

Đối với người đàn ông lạ mặt đẩy xe cho A, do A không biết tên và địa chỉ nên Cơ quan điều tra không có căn cứ xác minh. Đối với Đào Đức G, không thừa nhận việc biết tài sản do A trộm cắp như A đã khai, do G không có mặt tại

phương nên Cơ quan điều tra đã tách ra tiếp tục xác minh xử lý sau. Đối với Hoàng Văn L, không biết chiếc xe mô tô biển số 89E1-560.95 do A trộm cắp mà có nên đã đồng ý mua, do đó không có căn cứ xử lý đối với L.

Đối với số tiền 110.000đ trong cốp xe và 1.700.000 đồng tiền bán xe A đã tiêu xài cá nhân hết. Giấy phép lái xe mang tên chị E, A đã đốt đi; 01 đoạn sắt và 01 chiếc tô vít ở nhà G Cơ quan điều tra không thu giữ được.

Ngày 16/12/2019, Cơ quan điều tra Công an huyện Khoái Châu đã trả lại chiếc xe mô tô biển số 89E1-560.95 cho chị Nguyễn Thị E. Chị E đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu đề nghị gì đối với chiếc xe cũng như không yêu cầu A phải bồi thường các tài sản trong cốp xe. Anh L cũng không yêu cầu A phải bồi thường cho anh số tiền 1.700.000 đồng.

Bản cáo trạng số 16/CT-VKS-KC ngày 16-01-2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên truy tố bị cáo Nguyễn Văn A về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo Nguyễn Văn A thành khẩn nhận tội và khai báo diễn biến hành vi phạm tội như hành vi của bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên truy tố trong bản cáo trạng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn A phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 56; điểm a khoản 1 Điều 55; điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt Nguyễn Văn A từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù; tổng hợp với hình phạt 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù theo Bản án số 67/2019/HS-ST ngày 29-11-2019 của Tòa án nhân dân huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên, buộc bị cáo Nguyễn Văn A phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 02 năm 09 tháng đến 03 năm 03 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 22-11-2019; Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu còn có quan điểm về hình phạt bổ sung, trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thức được lỗi làm của mình, ăn năn hối cải và xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào chứng cứ và tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Khoái Châu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan xuất trình tài liệu, chứng cứ phù hợp với quy định của pháp luật và không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã được thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp khách quan với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra và được chứng minh bằng các chứng cứ khác như: Lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng; Kết luận định giá tài sản và các tài liệu, chứng cứ khác, thể hiện: Khoảng 21 giờ ngày 18-11-2019, Nguyễn Văn A đã có hành vi trộm cắp 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu xanh-đen, biển số 89E1 – 56095, trị giá là 12.000.000đ (mười hai triệu đồng) và số tiền 110.000đồng của chị Nguyễn Thị E, sinh năm 1980 ở thôn P, xã B, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng do động cơ tư lợi, bị cáo vẫn thực hiện. Do vậy, hành vi nêu trên của Nguyễn Văn A đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu đã truy tố Nguyễn Văn A theo tội danh và điều luật áp dụng được thể hiện trong Cáo trạng số 16/CT-VKS-KC ngày 16-01-2019 là có căn cứ.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân, gây mất trật tự trị an xã hội, gây tâm lý lo lắng trong quần chúng nhân dân nên cần xử lý nghiêm.

[3]. Đánh giá các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân, của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy:

Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân xấu thể hiện việc bị cáo là đối tượng nghiện chất ma túy, bản thân bị cáo đã bị kết án 02 năm tù về tội đánh bạc và đã chấp hành xong bản án ngày 27-4-2010, nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân, nay bị cáo lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bố để bị cáo là thương binh hạng 3/4. Do đó, cần cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Với tính chất, mức độ hành vi phạm tội, với đặc điểm nhân thân cùng tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như đã phân tích, thấy cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đảm bảo việc giáo dục, cải tạo bị cáo nói riêng và phòng chống tội phạm nói chung.

[4]. Về hình phạt bổ sung, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo là đối tượng nghiện chất ma túy, lao động tự do, không có thu nhập, không có tài sản riêng. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5]. Về trách nhiệm dân sự, chị Nguyễn Thị E đã nhận lại tài sản do bị cáo chiếm đoạt là 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu xanh-đen, biển số 89E1 – 56095 và không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với số tiền 110.000đồng, chị E không yêu cầu bị cáo phải trả lại cho chị, nhưng đây là số tiền do phạm tội mà có nên cần truy thu của A số tiền 110.000đồng để sung vào ngân sách nhà nước.

Đối với số tiền 1.700.000đồng, anh L trả A khi mua chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu xanh-đen, biển số 89E1 – 56095, anh L cũng không yêu cầu A phải trả lại cho anh, nhưng đây là số tiền do phạm tội mà có nên cần truy thu của A số tiền 1.700.000 đồng để sung vào ngân sách nhà nước.

[6]. Về xử lý vật chứng, đã được xử lý trong giai đoạn điều tra.

[7]. Về án phí: Xét thấy bị cáo Nguyễn Văn A thuộc diện hộ cận nghèo nên miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo theo quy định của pháp luật.

[8]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo; người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 56; điểm a khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

1. Tuyên bố bị cáo: Nguyễn Văn A phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Xử phạt Nguyễn Văn A 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù; tổng hợp với hình phạt 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù theo Bản án số 67/2019/HS-ST ngày 29-11-2019 của Tòa án nhân dân huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên, buộc bị cáo

Nguyễn Văn A phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 22-11-2019.

2. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

3. Về trách nhiệm dân sự, áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự.

- Chị Nguyễn Thị E và anh Hoàng Văn L không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Truy thu của bị cáo Nguyễn Văn A số tiền 1.810.000đ (*Một triệu tám trăm mười nghìn đồng*) để sung vào ngân sách nhà nước.

4. Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án.

Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Nguyễn Văn A.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015. Bị cáo, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 kể từ ngày tuyên án (ngày 27-02-2020). Bị hại (vắng mặt) có quyền kháng cáo bản án và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (vắng mặt) có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKS, Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên;
- VKS, Công an huyện Khoái Châu;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Hưng Yên;
- Chi cục THADS huyện Khoái Châu;
- Bị cáo; bị hại; người có quyền lợi liên quan;
- UBND xã Bình Kiều; Hồng Tiến;
- Lưu hồ sơ vụ án, VPTA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Huân